PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 17/2012/NQ-HĐND	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 12 năm 2012*

NGHỊ QUYẾT
Về tổng quyết toán ngân sách thành phố năm 2011

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ BẢY
(Từ ngày 04 đến ngày 07 tháng 12 năm 2012)

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2002;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2010/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân thành phố khóa VII về dự toán và phân bổ ngân sách năm 2011;

Qua xem xét Báo cáo của Ủy ban nhân dân thành phố về quyết toán ngân sách thành phố năm 2011, Báo cáo thẩm tra số 633/BC-HĐND ngày 03 tháng 12 năm 2012 của Ban Kinh tế và Ngân sách, ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn tổng quyết toán ngân sách thành phố năm 2011, như sau:

1. Về thu ngân sách:

1.1. Tổng ngân sách nhà nước trên địa bàn (không tính thu để lại quản lý qua ngân sách nhà nước): 198.614,274 tỷ đồng, đạt 115% dự toán năm, trong đó:

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn 09530268

- Thu ngân sách nhà nước phần nội địa: 102.537,108 tỷ đồng, đạt 103,58% dự toán và tăng 17,26% so với cùng kỳ.

- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 67.993,165 tỷ đồng, đạt 109,12% dự toán và tăng 12,43% so với cùng kỳ.

- Thu từ dầu khô: 27.350,584 tỷ đồng, đạt 239,92% dự toán và tăng 57,94% so cùng kỳ.

- Thu viện trợ: 733,417 tỷ đồng.

1.2. Tổng thu ngân sách địa phương: 65.847,289 tỷ đồng; trong đó:

- Thu điều tiết theo phân cấp: 36.678,148 tỷ đồng, đạt 124,23% so với dự toán năm và tăng 14,54% so với cùng kỳ.

- Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương: 2.060,948 tỷ đồng

- Thu kết dư năm trước: 8.773,532 tỷ đồng

- Thu chuyển nguồn năm trước: 10.565,948 tỷ đồng

- Thu từ viện trợ không hoàn lại: 733,417 tỷ đồng

- Các khoản thu để lại chi quản lý qua ngân sách: 7.035,296 tỷ đồng

2. Về chi ngân sách địa phương:

Tổng số chi ngân sách địa phương là: 57.418,074 tỷ đồng, trong đó:

2.1. Chi đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách: 26.831,148 tỷ đồng, bao gồm:

a) Chi đầu tư phát triển: 21.447,501 tỷ đồng, trong đó:

- Chi thanh toán khối lượng hoàn thành trong năm: 16.143,239 tỷ đồng, bằng 203,03% dự toán đầu năm bố trí từ cân đối ngân sách, bằng 92,66% so với kế hoạch vốn đầu tư được giao

- Chi chuyển nguồn tạm ứng vốn đầu tư sang năm 2012 để theo dõi, thanh toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước: 5.304,262 tỷ đồng

b) Chi trả nợ vốn gốc và lãi vay đầu tư: 5.383,647 tỷ đồng

2.2. Chi thường xuyên: 19.695,749 tỷ đồng, đạt 105,04% so với dự toán.

2.3. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 65,000 tỷ đồng.

2.4. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu của ngân sách Trung ương: 671,453 tỷ đồng.

2.5. Chi chuyển nguồn kinh phí thường xuyên năm 2011 sang năm 2012: 4.698,382 tỷ đồng

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn 09530268

2.6. Các khoản chi từ nguồn thu được để lại đơn vị chi quản lý qua ngân sách địa phương: 5.456,342 tỷ đồng.

3. Kết dư ngân sách năm 2011:

Tổng kết dư ngân sách địa phương (bao gồm ngân sách thành phố, ngân sách quận - huyện, và ngân sách phường - xã - thị trấn) là: 8.429,215 tỷ đồng. Bao gồm:

- Ngân sách thành phố: 6.001,762 tỷ đồng;

- Ngân sách quận, huyện: 2.091,903 tỷ đồng;

- Ngân sách phường, xã, thị trấn: 335,550 tỷ đồng.

Đối với kết dư ngân sách quận, huyện và ngân sách phường, xã, thị trấn thực hiện theo đúng Luật Ngân sách nhà nước và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

(Kèm theo các Phụ lục số 1, 2, 3, 4, 5 và 6).

Điều 2. Căn cứ vào việc phê chuẩn của Hội đồng nhân dân thành phố, giao Ủy ban nhân dân thành phố:

- Thực hiện công khai tài chính đúng quy định, thường xuyên rà soát những định mức không còn phù hợp và các khoản chi không hợp lý để trình cấp thẩm quyền sửa đổi.

- Ủy ban nhân dân thành phố gửi báo cáo quyết toán ngân sách thành phố cho Bộ Tài chính theo luật định.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII, kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 05 tháng 12 năm 2012./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn 09530268

Phụ lục 01

BIỂU TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2011

Đơn vị: Triệu đồng

NỘI DUNG	Quyết toán năm 2010	Dự toán năm 2011	Quyết toán năm 2011	So sánh	
				QT2011/ DT2011	QT2011/ QT2010
1	2	3	4		
Tổng thu NSNN trên địa bàn	**172.057.270**	**177.969.612**	**205.649.570**		**119,52**
A. Tổng các khoản thu cân đối NSNN	**165.426.777**	**172.706.000**	**198.614.274**	**115,00**	**120,06**
Tổng thu cân đối NSNN trừ dầu thô	***148.110.024***	***161.306.000***	***171.263.690***	***106,17***	***115,63***
I. Thu nội địa	**87.446.430**	**98.996.000**	**102.537.108**	**103,58**	**117,26**
1. Thu từ khu vực kinh tế	***61.624.443***	***74.890.000***	***68.594.523***	***91,59***	***111,31***
1.1/ Thu từ các DNNN do TW quản lý	**10.674.609**	**11.710.000**	**12.422.158**	**106,08**	**116,37**
Thuế GTGT	4.174.985	4.143.000	5.399.972	130,34	129,34
Thuế TNDN	2.524.629	2.785.000	3.208.488	115,21	127,09
Trong đó: hạch toán toàn ngành	*56.427*	*110.000*	*75.608*		*133,99*
Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	3.936.669	4.770.000	3.731.583	78,23	94,79
Thuế môn bài	2.304	2.200	2.517	114,41	109,24
Thuế tài nguyên	823	600	3.579		434,87
Thu sử dụng vốn	90	0			
Thu hồi vốn và thu khác	35.109	9.200	76.019		
1.2/ Thu từ các DNNN do địa phương quản lý	**11.034.576**	**14.100.000**	**9.545.472**	**67,70**	**86,51**
Thuế GTGT	3.631.620	5.229.600	2.987.749	57,13	82,27
Thuế TNDN	4.470.383	5.939.000	3.689.420	62,12	82,53
Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	2.591.468	2.827.000	2.738.671	96,88	105,68
Thuế môn bài	5.157	3.400	4.759	139,97	92,28
Thu sử dụng vốn	29.436		698		
Thuế tài nguyên	4.358	1.000	17.865	1.786,50	409,94
Thu sự nghiệp	0				
Thu nhập sau thuế thu nhập	0				
Thu hồi vốn và thu khác	302.154	100.000	106.310		35,18

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn 09530268

1.3/ Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	**17.562.220**	**22.200.000**	**21.872.401**	**98,52**	**124,54**
Thuế GTGT	5.396.902	6.309.000	6.762.233	107,18	125,30
Thuế TNDN	7.708.517	10.458.000	9.624.463	92,03	124,85
Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	3.813.422	4.576.000	4.629.963	101,18	121,41
Thu từ khí thiên nhiên	547.777	800.000	628.701	78,59	114,77
Thuế chuyển thu nhập	0				
Thuế môn bài	5.958	6.000	7.100	118,33	119,17
Thuế tài nguyên	800	500	2.553	510,60	319,13
Tiền thuê mặt đất, mặt nước, mặt biển	0	500	119.245		
Các khoản thu khác	88.844	50.000	98.143	196,29	110,47
1.4/ Thu từ khu vực CTN, dịch vụ ngoài quốc doanh	**22.353.038**	**26.880.000**	**24.754.492**	**92,09**	**110,74**
Thuế GTGT	11.228.174	16.456.000	12.324.868	74,90	109,77
Thuế TNDN	9.996.651	9.341.000	11.114.618	118,99	111,18
Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	432.962	500.000	387.587	77,52	89,52
Thu sử dụng vốn	61		520		
Thuế môn bài	304.152	282.000	336.199	119,22	110,54
Thuế tài nguyên	957	1.000	1.761		184,01
Thu khác ngoài quốc doanh	390.081	300.000	588.939	196,31	150,98
2. Thu từ hoạt động khác	**25.821.987**	***24.106.000***	***33.942.585***	***140,81***	***131,45***
2.1 Thuế nhà đất	132.050	140.000	157.175	112,27	119,03
2.2 Thuế nông nghiệp	1.025		1.531		149,37
2.3 Thuế thu nhập cá nhân	10.215.096	11.700.000	14.653.285	125,24	143,45
2.4 Thu phí xăng dầu	2.249.985	2.400.000	1.972.079	82,17	87,65
2.5 Thu phí, lệ phí	1.332.323	1.400.000	1.264.435		94,90
2.6 Thu khác ngân sách (kể cả thu tại xã)	1.687.562	1.136.000	1.753.757	154,38	103,92
2.7 Thu tiền sử dụng đất	6.280.248	3.500.000	9.262.964	264,66	147,49
2.8 Thuế chuyển quyền sử dụng đất	5.984	0	273		
2.9 Thu tiền bán nhà ở thuộc SHNN	103.222	30.000	187.339		
2.10 Lệ phí trước bạ	2.912.954	2.900.000	3.190.944	110,03	109,54
2.11 Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	901.538	900.000	1.498.803	166,53	166,25
II. Thuế XK, thuế NK, thuế TTĐB, thuế VAT hàng NK do Hải quan thu	**60.476.178**	**62.310.000**	**67.993.165**	**109,12**	**112,43**

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn 09530268

+ Thuế XK, NK, TTĐB	22.449.250	26.600.000	21.857.135	82,17	97,36
+ Thuế GTGT hàng nhập khẩu	38.026.696	35.710.000	46.135.875	129,20	121,32
+ Thu khác			155		
III. Thu từ dầu thô	**17.316.753**	**11.400.000**	**27.350.584**	239,92	157,94
IV. Thu viện trợ	**187.416**		**733.417**		
B. Các khoản thu được để lại chi quản lý qua ngân sách	**6.630.493**	**5.263.612**	**7.035.296**	133,66	106,11
- Thu từ xổ số kiến thiết	1.252.149	800.000	1.379.296	172,41	
- Thu từ bảo vệ môi trường từ phí nước thải	352.963	100.000	199.658		
- Ghi thu ghi chi khác	5.025.381	4.363.612	5.456.342		
Tổng thu ngân sách địa phương	**58.830.636**	**35.797.370**	**65.847.289**	**183,94**	**111,93**
A. Các khoản thu cân đối NSĐP	**52.200.143**	**30.533.758**	**58.811.993**	**192,61**	**112,67**
- Thu NS địa phương được hưởng theo phân cấp	32.023.283	29.524.468	36.678.148	124,23	114,54
+ Các khoản thu 100%	*13.455.880*	*9.918.200*	*17.741.757*	*17,.88*	*131,85*
+ Thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	*18.567.403*	*19.606.268*	*18.936.391*	*96,58*	*101,99*
- Thu bổ sung từ NSTW	3.887.155	1.009.290	2.060.948	204,20	53,02
- Thu kết dư	6.871.318		8.773.532		127,68
- Thu tiền huy động đầu tư theo Khoản 3 Điều 8 Luật NSNN	2.000.000				
- Thu chuyển nguồn NS năm trước	7.230.971		10.565.948		146,12
- Thu viện trợ	187.416		733.417		391,33
B. Các khoản thu được để lại chi quản lý qua ngân sách	**6.630.493**	**5.263.612**	**7.035.296**		106,11
- Thu từ xổ số kiến thiết	1.252.149	800.000	1.379.296		110,15
- Thu từ bảo vệ môi trường từ phí nước thải	352.963	100.000	199.658		56,57
- Ghi thu ghi chi khác	5.025.381	4.363.612	5.456.342		108,58

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn 09530268

Thành phố Hồ Chí Minh **Phụ lục 02**

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2011

Đvt: triệu đồng

NỘI DUNG CÁC KHOẢN CHI	Quyết toán năm 2010	Dự toán năm 2011	Quyết toán năm 2011	So sánh	
				So DT 2011	So cùng kỳ 2010
A		*1*	*2*	*2/1*	*2/ck*
TỔNG CHI NS ĐỊA PHƯƠNG	**57.026.007**	**39.570.027**	**64.746.177**		
TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	**50.057.104**	**35.797.370**	**57.418.074**		*114,71*
Tổng chi trừ GTGC	**45.031.723**	**31.433.758**	**51.961.732**	*165,31*	*115,39*
A. Chi cân đối ngân sách	***45.031.723***	***31.433.758***	***51.961.732***	*165,31*	*115,39*
I/ Chi đầu tư phát triển	**22.987.649**	**11.300.028**	**26.831.148**	*237,44*	*116,72*
- Chi thanh toán khối lượng hoàn thành trong năm	15.394.133	7.951.088	16.143.239	*203,03*	*104,87*
Trong đó chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết	*1.737.834*	*800.000*	*1.325.259*		
- Chi chuyển nguồn tạm ứng vốn đầu tư sang năm sau	5.954.514		5.304.262		
- Chi trả vốn và lãi vay	1.639.002	3.348.940	5.383.647	*160,76*	*328,47*
II/ Chi Thường xuyên:	**16.054.339**	**18.750.000**	**19.695.749**	*105,04*	*122,68*
1. Chi trợ giá các mặt hàng chính CS:	851.129	835.000	1.280.661	*153,37*	*150,47*
2. Chi sự nghiệp kinh tế:	2.164.490	2.690.033	2.939.403	*109,27*	*135,80*
- SN Nông lâm thủy lợi	*145.140*	*208.987*	*144.023*	*68,91*	*99,23*
- Duy tu giao thông	*1.319.112*	*1.479.741*	*1.786.550*	*120,73*	*135,44*
- SN Kiến thiết thị chính	*420.509*	*460.324*	*641.147*	*139,28*	*152,47*
4. Chi SN nghiên cứu khoa học:	182.196	225.804	132.323	*58,60*	*72,63*
5. Chi SN giáo dục và đào tạo:	4.328.839	4.974.902	5.018.300	*100,87*	*115,93*
- Sự nghiệp giáo dục	*3.646.082*	*4.098.792*	*4.216.319*	*102,87*	*115,64*
- Sự nghiệp đào tạo	*682.757*	*876.110*	*801.981*	*91,54*	*117,46*
6. Chi sự nghiệp y tế:	2.067.645	2.161.435	2.521.717	*116,67*	*121,96*
7. SN Văn hóa thông tin:	332.355	288.389	281.056	*97,46*	*84,56*
8. SN Truyền thanh:	26.919	26.468	29.257	*110,54*	*108,69*
9. SN Thể dục thể thao:	169.091	171.377	177.397	*103,51*	*104,91*

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn 09530268

NỘI DUNG CÁC KHOẢN CHI	Quyết toán năm 2010	Dự toán năm 2011	Quyết toán năm 2011	So sánh	
				So DT 2011	So cùng kỳ 2010
A		*1*	*2*	*2/1*	*2/ck*
10. Chi đảm bảo xã hội:	697.018	986.258	1.025.858	*104,02*	*147,18*
11. Chi quản lý hành chính:	2.484.792	2.717.313	3.187.199	*117,29*	*128,27*
- Chi Quản lý nhà nước	*1.719.041*	*1.940.651*	*2.258.041*	*116,35*	*131,35*
- Chi BS hoạt động của Đảng	*400.795*	*418.536*	*446.873*	*106,77*	*111,50*
- Chi hoạt động đoàn thể	*364.956*	*358.126*	*482.285*	*134,67*	*132,15*
12. Chi khác:	1.254.583	1.018.394	1.273.213	*125,02*	*101,48*
- An ninh quốc phòng	*455.229*	*537.006*	*613.815*	*114,30*	*134,84*
- Chi khác	*799.354*	*481.388*	*659.398*	*136,98*	*82,49*
13. Nguồn tăng thu NSQH chưa phân bổ			0	*0,00*	
14. Dự phòng ngân sách		*1.000.000*		*0,00*	
III/ Nguồn cải cách tiền lương		**309.440**		*0,00*	
IV/ Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	**65.000**	**65.000**	**65.000**		*100,00*
V/ Chi chuyển nguồn sang năm sau	**4.611.434**	**0**	**4.698.382**		
- Chi chuyển nguồn xổ số kiến thiết	81.837		73.127		
- Chi chuyển nguồn thực hiện tiền lương và nguồn kinh phí thường xuyên	4.529.597		4.625.255		
VI/ Chi từ nguồn BS có mục tiêu của NSTW	**1.313.301**	***1.009.290***	**671.453**	**66,53**	**51,13**
- Chi đầu tư từ nguồn vốn nước ngoài	*1.146.265*	*967.290*	481.675		
- Chi đầu tư từ nguồn vốn trong nước	*167.036*	*42.000*	189.778		
B- Các khoản chi từ nguồn thu để lại đơn vị quản lý qua ngân sách địa phương (*)	***5.025.381***	***4.363.612***	***5.456.342***		*108,58*
C. Chi chuyển giao giữa các cấp NSĐP	***6.968.903***	***3.772.657***	***7.328.103***		
- Số bổ sung từ NS cấp trên cho NS cấp dưới	6.962.828	***3.772.657***	7.315.673		
- Số NS cấp dưới nộp lên NS cấp trên	6.075		12.430		

(*) Các khoản chi từ nguồn thu để lại đơn vị quản lý qua ngân sách địa phương không tính số chi từ nguồn phí bảo vệ môi trường đối với nước thải để chi cho công tác duy tu thoát nước (199.658 triệu đồng); chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết năm 2010 để chi đầu tư phát triển (1.379,296 triệu đồng).

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn 09530268

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ CHO TỪNG CƠ QUAN ĐƠN VỊ THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2011

(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW trình HĐND cùng cấp)

Đơn vị tính:Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng Chi	Chi ĐTXDCB	Chi CTMT Quốc gia	Chi thường xuyên	Trong đó					Chi các nội dung khác
						Sự nghiệp GDĐT	Sự nghiệp y tế	Sự nghiệp KHCN	Chi quản lý Hành chính	Chi sự nghiệp khác	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(12)	(4)	(5)	(6)=7+8+9+10+11	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Vườn ươm doanh nghiệp công nghệ cao	934	0	0	934	0	0	0	0	934	0
2	Vùng 2 - Quân chủng Hải quân	20	0	0	20	0	0	0	0	20	0
3	VP Tiếp công dân thành phố	2.881	0	0	2.881	0	0	0	2.881	0	0
4	VP Đoàn đại biểu Quốc hội & HĐND	6.570	0	0	6.570	0	0	0	6.570	0	0
5	Viện thực hành Quyền công tố và KSXX phúc phẩm	27	0	0	27	0	0	0	0	27	0
6	Viện tim	919	919	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Viện Nghiên cứu phát triển TP	14.091	0	0	14.091	0	0	14.091	0	0	0
8	Viện Khoa học và Công nghệ Quân sự-BQP	1.894	1.894	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Viện Khoa học công nghệ tính toán	5.737	0	0	5.737	0	0	5.737	0	0	0
10	Viện Kiểm sát nhân dân TP	3.876	0	0	3.876	0	0	0	0	3.876	0
11	Văn phòng Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	209	209	0	0	0	0	0	0	0	0
12	Văn phòng ủy ban nhân dân quận 12	643	643	0	0	0	0	0	0	0	0
13	Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0
14	Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi	1.015	1.015	0	0	0	0	0	0	0	0

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn 09530268

15	Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài	3.660	40	0	3.620	0	0	0	3.620	0	0
16	Ủy ban phòng chống AIDS TP. HCM	166.996	0	0	166.996	0	0	0	166.996	0	0
17	Ủy ban nhân dân thành phố	70.233	3.277	0	66.957	0	0	0	66.957	0	0
18	Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức	6.054	6.054	0	0	0	0	0	0	0	0
19	Ủy ban nhân dân quận 9	5.246	5.246	0	0	0	0	0	0	0	0
20	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố	13.445	0	0	13.445	0	0	0	13.445	0	0
21	Ủy ban Đoàn kết Công giáo Thành phố Hồ Chí Minh	94	0	0	94	0	0	0	94	0	0
22	Trường Trung học XD	11.754	0	0	11.754	11.754	0	0	0	0	0
23	Trường Trung học kỹ thuật nông nghiệp	6.387	0	0	6.387	6.387	0	0	0	0	0
24	Trường Trung cấp Tây Bắc	211	211	0	0	0	0	0	0	0	0
25	Trường TH-THCS-THPT Thái Bình Dương	1.028	1.028	0	0	0	0	0	0	0	0
26	Trường THPT năng khiếu Thể dục Thể thao	2.034	0	0	2.034	2.034	0	0	0	0	0
27	Trường Thiếu sinh quân	10.893	0	0	10.893	10.893	0	0	0	0	0
28	Trường Tiểu học Tạ Uyên .HNB	130	130	0	0	0	0	0	0	0	0
29	Trường Tiểu học Đinh Tiên Hoàng Q.1	13.179	13.179	0	0	0	0	0	0	0	0
30	Trường Nghiệp vụ nhà hàng	3.889	0	0	3.889	3.889	0	0	0	0	0
31	Trường Mầm non tư thục Ánh Hồng	465	465	0	0	0	0	0	0	0	0
32	Trường Mầm non tư thục Anh Duy	284	284	0	0	0	0	0	0	0	0
33	Trường Mầm non 9 Q.3	100	100	0	0	0	0	0	0	0	0
34	Trường Khuyết tật dân lập Đa Thiện quận 7	133	0	0	133	133	0	0	0	0	0
35	Trường GQVL, Tổng đội 1, Cụm Công nghiệp Nhị Xuân	68.749	0	0	68.749	0	0	0	0	68.749	0
36	Trường Đoàn Lý Tự Trọng	2.623	0	0	2.623	2.623	0	0	0	0	0
37	Trường ĐH Công nghệ Sài Gòn	3.759	3.759	0	0	0	0	0	0	0	0
38	Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	32.766	1.213	0	31.552	31.552	0	0	0	0	0
39	Trường Đại học Tôn Đức Thắng	10.988	9.488	0	1.500	0	0	0	0	1.500	0

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn 09530268

40	Trường Đại học Sài Gòn	205.872	470	0	205.402	205.402	0	0	0	0	0
41	Trường Đại học Mở TPHCM	7	7	0	0	0	0	0	0	0	0
42	Trường Đại học (nghiệp vụ) TDTT TPHCM	78.723	2.578	0	76.145	76.145	0	0	0	0	0
43	Trường CĐ Công Thương - CN HCM	800	800	0	0	0	0	0	0	0	0
44	Trường Cao đẳng Văn hóa nghệ thuật	7.143	252	0	6.891	6.891	0	0	0	0	0
45	Trường Cao đẳng nghề thành phố	23.242	0	1.851	21.391	21.391	0	0	0	0	0
46	Trường Cao đẳng nghề Nguyễn Trường Tộ	9.643	0	0	9.643	9.643	0	0	0	0	0
47	Trường Cao đẳng giao thông vận tải	56.110	13.163	0	42.947	42.947	0	0	0	0	0
48	Trường Cán bộ thành phố	14.791	8.606	0	6.185	6.185	0	0	0	0	0
49	Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam	100	0	0	100	0	0	0	0	100	0
50	Trung tâm xét nghiệm Y khoa thành phố	189	189	0	0	0	0	0	0	0	0
51	Trung tâm Ươm tạo Doanh nghiệp Nông nghiệp Công nghệ cao	3.324	0	0	3.324	0	0	0	0	3.324	0
52	Trung tâm Tổ chức biểu diễn và Điện ảnh thành phố	3.206	3.206	0	0	0	0	0	0	0	0
53	Trung tâm Quản lý đường hầm sông Sài Gòn	23.239	11.090	0	12.150	0	0	0	0	12.150	0
54	Trung tâm Phát triển khoa học và Công nghệ Trẻ	525	0	0	525	0	0	525	0	0	0
55	Trung tâm Pháp y thành phố	29.982	29.982	0	0	0	0	0	0	0	0
56	Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn TP. HCM	36.626	33.630	600	2.396	0	0	0	0	2.396	0
57	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	2.390	0	0	2.390	0	0	2.390	0	0	0
58	Trung tâm Kỹ thuật chất dẻo và cao su	51.732	51.732	0	0	0	0	0	0	0	0
59	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm	6.978	6.978	0	0	0	0	0	0	0	0
60	Trung tâm Hướng nghiệp, dạy nghề và giới thiệu việc làm Thanh niên	624	0	0	624	0	0	0	0	624	0

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn 09530268

61	Trung tâm Giáo dục thường xuyên Gia Định	5.072	0	0	5.072	5.072	0	0	0	0	0
62	Trung tâm Giám định y khoa	12	12	0	0	0	0	0	0	0	0
63	Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước thành phố	678.453	265.709	0	412.744	0	0	0	0	412.744	0
64	Trung tâm đào tạo Ban Quản lý Khu Công nghệ cao	2.917	0	0	2.917	2.917	0	0	0	0	0
65	Trung tâm Công tác Xã hội Trẻ em TPHCM	1.101	0	0	1.101	0	0	0	0	1.101	0
66	Trung tâm Công tác Xã hội Thanh niên thành phố	937	0	98	839	0	0	0	839	0	0
67	Trung tâm Công nghệ thông tin và truyền thông TP.Hồ Chí Minh	1.338	0	0	1.338	0	0	1.338	0	0	0
68	Trung tâm Công nghệ Sinh học TP.HCM	26.896	10.797	0	16.098	0	0	0	0	16.098	0
69	Thư viện Khoa học tổng hợp	8.159	0	0	8.159	0	0	0	0	8.159	0
70	Thành ủy thành phố	418.260	0	0	418.260	85.194	0	0	333.066	0	0
71	Thanh tra thành phố	22.937	584	2.910	19.444	0	0	0	19.444	0	0
72	Thanh tra Sở Giao thông vận tải	35.298	0	0	35.298	0	0	0	35.298	0	0
73	Thanh tra Ban QL các khu CXCN TP.HCM	1.059	0	0	1.059	0	0	0	1.059	0	0
74	Thành đoàn TP.Hồ Chí Minh	73.607	55.719	0	17.888	0	0	0	17.888	0	0
75	Tuần báo Văn nghệ	1.741	0	0	1.741	0	0	0	1.741	0	0
76	TT Xúc tiến Thương mại và Đầu tư	22.205	0	0	22.205	0	0	0	0	22.205	0
77	TT Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý	2.547	0	0	2.547	0	0	2.547	0	0	0
78	TT Trợ giúp pháp lý	2.524	0	0	2.524	0	0	0	0	2.524	0
79	TT Thông tin và dịch vụ XD	3.454	0	0	3.454	0	0	0	0	3.454	0
80	TT Thông tin triển lãm	5.738	0	0	5.738	0	0	0	0	5.738	0
81	TT Thông tin TNMT & đăng ký nhà đất	9.492	0	0	9.492	0	0	0	0	9.492	0
82	TT Thông tin quy hoạch	1.554	0	0	1.554	0	0	0	0	1.554	0
83	TT Thông tin KHCN	4.741	0	0	4.741	0	0	4.741	0	0	0

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn 09530268

84	TT Thiết kế chế tạo thiết bị mới (NEPTECH)	10.902	7.422	0	3.480	0	0	3.480	0	0	0
85	TT Tư vấn và Hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp thành phố	1.198	0	0	1.198	0	0	0	0	1.198	0
86	TT Tư vấn đấu thầu và Hỗ trợ đầu tư	697	0	0	697	0	0	0	0	697	0
87	TT Tư vấn & Hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp	7.085	0	0	7.085	0	0	0	0	7.085	0
88	TT Tin học thành phố	1.089	0	0	1.089	0	0	1.089	0	0	0
89	TT Sinh hoạt dã ngoại TTN	1.435	0	0	1.435	0	0	0	0	1.435	0
90	TT QLý & Kiểm định giống cây trồng vật nuôi	94.757	88.414	0	6.343	0	0	0	0	6.343	0
91	TT QLĐH vận tải hành khách công cộng	1.275.719	194	0	1.275.525	0	0	0	0	1.275.525	0
92	TT Phát triển quỹ đất	5.225	420	0	4.805	0	0	0	0	4.805	0
93	TT Nghiên cứu và phát triển nông nghiệp công nghệ cao	8.618	0	0	8.618	0	0	8.618	0	0	0
94	TT Nghiên cứu triển khai khu CNC	6.287	0	0	6.287	0	0	6.287	0	0	0
95	TT Nghiên cứu tư vấn công tác xã hội và phát triển cộng đồng	2.561	0	0	2.561	0	0	0	0	2.561	0
96	TT Nghiên cứu kiến trúc	1.531	0	0	1.531	0	0	0	0	1.531	0
97	TT Nghiên cứu và đào tạo thiết kế vi mạch	4.154	4.154	0	0	0	0	0	0	0	0
98	TT Khuyến nông	21.331	0	0	21.331	0	0	0	0	21.331	0
99	TT Hỗ trợ thanh niên công nhân	922	0	0	922	0	0	0	0	922	0
100	TT Hỗ trợ nông dân	1.156	0	0	1.156	0	0	0	0	1.156	0
101	TT Hỗ trợ hội nhập WTO	1.658	0	0	1.658	0	0	1.658	0	0	0
102	TT Giới thiệu việc làm thành phố	649	0	200	449	0	0	0	0	449	0
103	TT Giới thiệu việc làm (Hội LHPN)	415	0	0	415	0	0	0	0	415	0
104	TT Giáo dục thường xuyên TNXP	3.960	0	0	3.960	3.960	0	0	0	0	0
105	TT Điều khiển tín hiệu giao thông	721	0	0	721	0	0	0	0	721	0
106	TT Đăng kiểm phương tiện thủy nội địa	853	0	0	853	0	0	0	0	853	0

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn 09530268

107	TT dự báo nhu cầu nhân lực và thông tin thị trường lao động	2.477	0	0	2.477	0	0	0	0	2.477	0
108	TT Công báo	1.394	0	0	1.394	0	0	0	0	1.394	0
109	Tổng Cty Thương mại Sài Gòn	9.694	9.694	0	0	0	0	0	0	0	0
110	Tổng Cty Du lịch Sài Gòn	5.000	0	0	5.000	0	0	0	0	5.000	0
111	Tổng Cty Cấp nước Sài Gòn - TNHH một thành viên	56.408	49.699	0	6.709	0	0	0	0	6.709	0
112	Toà án nhân dân thành phố	3.942	0	0	3.942	0	0	0	0	3.942	0
113	Sự nghiệp y tế	5.925.086	0	34.789	5.890.298	0	5.890.298	0	0	0	0
114	Sự nghiệp nghệ thuật	34.604	0	0	34.604	0	0	0	0	34.604	0
115	Sự nghiệp khoa học công nghệ	47.765	0	0	47.765	0	0	47.765	0	0	0
116	Sự nghiệp giáo dục khối thành phố	931.929	0	8.929	923.000	923.000	0	0	0	0	0
117	Sự nghiệp đào tạo	326.988	0	0	326.988	326.988	0	0	0	0	0
118	Sự nghiệp bảo tàng bảo tồn	38.894	0	479	38.415	0	0	0	0	38.415	0
119	Sở Y Tế Thành phố Hồ Chí Minh	24.712	1.596	0	23.117	0	0	0	18.861	4.256	0
120	Sở Xây dựng	24.350	0	0	24.350	0	0	0	24.350	0	0
121	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	20.679	0	0	20.679	0	0	0	20.679	0	0
122	Sở Thông tin và Truyền thông	44.491	8.412	0	36.079	0	0	28.299	7.780	0	0
123	Sở Tư pháp	11.397	36	0	11.361	0	0	0	11.361	0	0
124	Sở Tài nguyên và Môi trường	1.278.095	0	0	1.278.095	0	0	0	19.277	1.258.818	0
125	Sở Tài chính tỉnh Cao Bằng	10.000	0	0	10.000	0	0	0	0	10.000	0
126	Sở Tài chính Lai Châu	10.369	0	0	10.369	0	0	0	0	10.369	0
127	Sở Tài chính HCM	31.996	0	0	31.996	0	0	0	27.101	4.894	0
128	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	18.626	4.459	0	14.167	0	0	0	14.167	0	0
129	Sở Ngoại vụ TP.HCM	6.716	0	0	6.716	0	0	0	0	6.716	0
130	Sở Nông nghiệp và PT nông thôn	9.709	0	0	9.709	0	0	0	9.709	0	0
131	Sở Nội vụ	32.989	277	0	32.711	11.237	0	0	21.474	0	0

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn 09530268

132	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	332.259	0	1.575	330.684	0	304.953	0	25.730	0	0
133	Sở Khoa học và Công nghệ	16.472	8.383	0	8.089	0	0	0	8.089	0	0
134	Sở Kế hoạch và Đầu tư	25.508	4.278	0	21.230	0	0	0	17.676	3.554	0
135	Sở Giao thông vận tải	17.871	0	0	17.871	0	0	0	17.871	0	0
136	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	14.304	0	0	14.304	0	0	0	14.304	0	0
137	Sở Công Thương	33.028	10.967	95	21.966	0	0	0	14.660	7.306	0
138	Sở Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy	40.788	21.211	0	19.577	0	0	0	0	19.577	0
139	Quỹ tái chế chất tải TP	1.915	0	0	1.915	0	0	0	0	1.915	0
140	Quỹ hỗ trợ cựu chiến binh nghèo Thành phố Hồ Chí Minh	4.875	0	0	4.875	0	0	0	4.875	0	0
141	Quỹ ĐT mạo hiểm CNC9	23.003	23.003	0	0	0	0	0	0	0	0
142	Quỹ Bảo hộ công dân và pháp nhân Việt Nam ở nước ngoài	8	0	0	8	0	0	0	0	8	0
143	Quỹ Phát triển nhà ở thành phố	53.028	53.028	0	0	0	0	0	0	0	0
144	Ông Vũ Đình Trinh	259	259	0	0	0	0	0	0	0	0
145	Nhà VH Thanh niên	2.463	0	0	2.463	0	0	0	0	2.463	0
146	Nhà VH Sinh viên	1.619	0	0	1.619	0	0	0	0	1.619	0
147	Nhà Thiếu nhi TP	3.577	0	0	3.577	0	0	0	0	3.577	0
148	Nguyễn Bỉnh Đẳng	375	0	0	375	0	0	0	0	375	0
149	Mái ấm Thành Đạt	71	0	0	71	0	0	0	0	71	0
150	Lực lượng Thanh niên Xung phong	109.482	40.166	0	69.316	0	0	0	65.272	4.044	0
151	Lữ đoàn 161	20	0	0	20	0	0	0	0	20	0
152	Liên minh Hợp tác xã	2.579	0	0	2.579	0	0	0	2.534	44	0
153	Liên hiệp các tổ chức Hữu nghị	3.817	0	0	3.817	0	0	0	3.817	0	0
154	Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật	4.543	1.391	372	2.781	0	0	0	2.781	0	0
155	Liên hiệp các Hội Khoa học kỹ thuật TP	10.965	8.866	0	2.100	0	0	0	2.100	0	0
156	Khu QL giao thông đô thị số 4	630.793	378.866	0	251.927	0	0	0	0	251.927	0

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn 09530268

157	Khu QL Giao thông đô thị số 1	1.060.861	505.483	0	555.378	0	0	0	0	555.378	0
158	Khu QL giao thông đô thị số 03	647.407	317.937	0	329.471	0	0	0	0	329.471	0
159	Khu QL giao thông đô thị số 02	1.219.903	913.337	0	306.566	0	0	0	0	306.566	0
160	Khu QL đường thuỷ nội địa	60.525	60.525	0	0	0	0	0	0	0	0
161	Khu đường sông	35.904	952	0	34.952	0	0	0	0	34.952	0
162	Khu điều trị Phong Bến Sắn	547	547	0	0	0	0	0	0	0	0
163	Khu di tích lịch sử Địa Đạo Củ Chi	10.948	10.948	0	0	0	0	0	0	0	0
164	Kho bạc nhà nước thành phố	2.250	0	0	2.250	0	0	0	0	2.250	0
165	Ký túc xá sinh viên Lào	1.260	0	0	1.260	0	0	0	0	1.260	0
166	Kinh phí xúc tiến du lịch	8.231	0	0	8.231	0	0	0	0	8.231	0
167	Kinh phí sự nghiệp thể dục Thể thao	138.787	0	0	138.787	0	0	0	0	138.787	0
168	Kiểm toán Nhà nước khu vực IV	325	0	0	325	0	0	0	0	325	0
169	HTX một thoáng Việt Nam	2.859	2.859	0	0	0	0	0	0	0	0
170	Hội Y	235	0	0	235	0	0	0	235	0	0
171	Hội VHNT các dân tộc	297	0	0	297	0	0	0	297	0	0
172	Hội Sinh vật cảnh	99	0	0	99	0	0	0	99	0	0
173	Hội Sân khấu	843	0	0	843	0	0	0	843	0	0
174	Hội Phụ nữ từ thiện thành phố	1.553	0	0	1.553	0	0	0	1.553	0	0
175	Hội Nhiếp ảnh	678	0	0	678	0	0	0	678	0	0
176	Hội Nhà văn	1.279	0	0	1.279	0	0	0	1.229	50	0
177	Hội Nhà báo	1.754	0	320	1.434	0	0	0	1.434	0	0
178	Hội Người mù thành phố	2.621	0	0	2.621	0	0	0	2.621	0	0
179	Hội Nghệ sĩ múa	704	0	0	704	0	0	0	704	0	0
180	Hội Nông dân thành phố	5.183	305	0	4.878	0	0	0	4.878	0	0
181	Hội Mỹ thuật	1.166	0	0	1.166	0	0	0	1.166	0	0
182	Hội Luật gia	784	0	0	784	0	0	0	784	0	0

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn 09530268

183	Hội Liên hiệp Phụ nữ	23.324	13.424	0	9.901	0	0	0	9.901	0	0
184	Hội Làm vườn và trang trại thành phố	94	0	0	94	0	0	0	94	0	0
185	Hội Khuyến học	347	0	0	347	0	0	0	347	0	0
186	Hội KHKT XD	158	0	0	158	0	0	0	158	0	0
187	Hội Kiến trúc	1.048	0	0	1.048	0	0	0	1.048	0	0
188	Hội đồng xử lý vàng bạc TP	90	0	0	90	0	0	0	0	90	0
189	Hội đồng bán nhà ở TP. Hồ Chí Minh	3.809	0	0	3.809	0	0	0	0	3.809	0
190	Hội Điện ảnh	1.181	0	0	1.181	0	0	0	1.181	0	0
191	Hội Dược	57	0	0	57	0	0	0	57	0	0
192	Hội Chữ thập đỏ	1.057	0	0	1.057	0	0	0	1.057	0	0
193	Hội Chất độc Da cam Dioxin	357	0	0	357	0	0	0	357	0	0
194	Hội Cựu Thanh niên Xung phong TP.Hồ Chí Minh	13	0	0	13	0	0	0	0	13	0
195	Hội Cựu Chiến binh	3.777	0	0	3.777	0	0	0	3.777	0	0
196	Hội Bảo trợ trẻ em Thành phố Hồ Chí Minh	8.805	0	0	8.805	0	0	0	8.805	0	0
197	Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi thành phố	2.580	661	0	1.919	0	0	0	1.919	0	0
198	Hội Bảo trợ bệnh nhân nghèo TP.HCM	49.869	0	0	49.869	0	0	0	49.869	0	0
199	Hội Âm nhạc	1.354	0	0	1.354	0	0	0	1.354	0	0
200	Hỗ trợ người có công với cách mạng và xã hội cải thiện nhà ở	200	0	0	200	0	0	0	0	200	0
201	Hoạt động XH khác	301.034	0	799	300.235	0	0	0	0	300.235	0
202	Hoạt động văn hóa khác	84.983	0	573	84.410	0	0	0	0	84.410	0
203	Hoạt động chính sách người có công	9.660	0	0	9.660	0	0	0	0	9.660	0
204	Hoạt động bảo vệ chăm sóc trẻ em	555	0	0	555	0	0	0	0	555	0
205	Đội Thanh tra Đường bộ IV	54	0	0	54	0	0	0	0	54	0
206	Đảng đoàn Hiệp hội doanh nghiệp	151	0	0	151	0	0	0	151	0	0

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn 09530268

207	Đài Truyền hình thành phố	24.105	24.105	0	0	0	0	0	0	0	0
208	Đài Tiếng nói nhân dân TP.HCM	26.770	3.753	0	23.016	0	0	0	0	23.016	0
209	Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tối cao tại THÀNH PHỐ	22	0	0	22	0	0	0	0	22	0
210	Dung Hữu Văn	812	0	0	812	0	0	0	0	812	0
211	Doanh nghiệp tư nhân SX Ngọc Lan	733	733	0	0	0	0	0	0	0	0
212	Chi trả các khoản thu năm trước	63.883	0	0	63.883	0	0	0	0	63.883	0
213	Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội - TPHCM	10.000	10.000	0	0	0	0	0	0	0	0
214	Chi hỗ trợ nước bạn	30.905	0	0	30.905	0	0	0	0	30.905	0
215	Chi hỗ trợ doanh nghiệp (lãi vay và lãi suất xe buýt)	93.921	93.921	0	0	0	0	0	0	0	0
216	Chi Cục Văn thư - Lưu trữ	2.017	0	0	2.017	0	0	0	0	2.017	0
217	Chi Cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão	4.163	0	0	4.163	0	0	0	0	4.163	0
218	Chi Cục Thú y	24.857	0	290	24.567	0	0	0	0	24.567	0
219	Chi Cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng	4.078	0	0	4.078	0	0	4.078	0	0	0
220	Chi Cục Tài chính doanh nghiệp	3.910	0	0	3.910	0	0	0	3.910	0	0
221	Chi Cục QL thị trường	48.457	0	0	48.457	0	0	0	48.457	0	0
222	Chi Cục QL chất lượng & bảo vệ nguồn lợi thủy sản	5.886	0	200	5.686	0	0	0	0	5.686	0
223	Chi Cục Phòng chống tệ nạn XH	3.753	0	0	3.753	0	0	0	3.753	0	0
224	Chi Cục Phát triển nông thôn	8.263	0	0	8.263	0	0	0	0	8.263	0
225	Chi Cục Lâm nghiệp TP.Hồ Chí Minh	53.489	34.649	0	18.840	0	0	0	0	18.840	0
226	Chi Cục Kiểm lâm	10.517	0	0	10.517	0	0	0	10.517	0	0
227	Chi Cục Dân số và Kế hoạch hóa gia đình	4.477	0	465	4.011	0	0	0	4.011	0	0
228	Chi Cục Bảo vệ thực vật	13.299	0	126	13.172	0	0	0	0	13.172	0
229	Chi Cục Bảo vệ môi trường	18.419	0	0	18.419	0	0	0	0	18.419	0

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn 09530268

230	Chi Cục An toàn Vệ sinh thực phẩm	4.329	0	0	4.329	0	0	0	4.329	0	0
231	Cục Thuế TP.HCM	2.074	0	0	2.074	0	0	0	0	2.074	0
232	Cục Thống kê thành phố	4.064	0	0	4.064	0	0	0	0	4.064	0
233	Cục Thi hành án dân sự thành phố	2.228	0	0	2.228	0	0	0	0	2.228	0
234	Cục Hải quan thành phố	5.466	0	0	5.466	0	0	0	972	4.495	0
235	Cty TNHH xử lý chất thải Hoà Bình	306	306	0	0	0	0	0	0	0	0
236	Cty TNHH XD TM DVSX Đại Thành	2.354	2.354	0	0	0	0	0	0	0	0
237	Cty TNHH Ươm tạo doanh nghiệp phần mềm Quang Trung	3.166	0	3.166	0	0	0	0	0	0	0
238	Cty TNHH Trí Tuệ Việt	1.099	1.099	0	0	0	0	0	0	0	0
239	Cty TNHH TMSX dây và cáp điện Tài Trường Thành	2.800	2.800	0	0	0	0	0	0	0	0
240	Cty TNHH TM và XD Hà Nam	11.329	11.329	0	0	0	0	0	0	0	0
241	Cty TNHH SX -TM Lan Phương	2.657	2.657	0	0	0	0	0	0	0	0
242	Cty TNHH MTVQL Khai thác dịch vụ thủy lợi TP.HCM	72.901	60.901	0	12.000	0	0	0	0	12.000	0
243	Cty TNHH MTV xe khách Sài Gòn	13.974	13.974	0	0	0	0	0	0	0	0
244	Cty TNHH MTV Thoát nước đô thị	6.275	6.275	0	0	0	0	0	0	0	0
245	Cty TNHH MTV Thảo Cầm Viên Sài Gòn	86.848	18.651	0	68.196	0	0	0	0	68.196	0
246	Cty TNHH MTV Phát triển Khu công nghệ cao TP.HCM	56.849	56.849	0	0	0	0	0	0	0	0
247	Cty TNHH MTV phát triển công viên phần mềm Quang Trung	1.278	1.278	0	0	0	0	0	0	0	0
248	Cty TNHH MTV PT và KD nhà thành phố	179.346	178.506	0	840	0	0	0	0	840	0
249	Cty TNHH MTV Môi trường đô thị thành phố	20.521	20.521	0	0	0	0	0	0	0	0
250	Cty TNHH MTV Khu CN Vĩnh Lộc	7.000	7.000	0	0	0	0	0	0	0	0
251	Cty TNHH MTV kỹ nghệ lạnh Á Châu	4.828	4.828	0	0	0	0	0	0	0	0

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn 09530268

252	Cty TNHH MTV ĐT XD Trường Thịnh	900	900	0	0	0	0	0	0	0	0
253	Cty TNHH MTV dịch vụ công ích Thanh niên xung phong	47.713	5.806	0	41.907	0	0	0	0	41.907	0
254	Cty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận 9	398	398	0	0	0	0	0	0	0	0
255	Cty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận 5	8.081	8.081	0	0	0	0	0	0	0	0
256	Cty TNHH MTV Dịch vụ Công ích quận 3	444	444	0	0	0	0	0	0	0	0
257	Cty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận 2	46.915	46.915	0	0	0	0	0	0	0	0
258	Cty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận 10	100	100	0	0	0	0	0	0	0	0
259	Cty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Bình Chánh	29.863	29.863	0	0	0	0	0	0	0	0
260	Cty TNHH MTV Chiếu sáng công cộng TP. HCM	95.207	13.300	0	81.907	0	0	0	0	81.907	0
261	Cty TNHH MTV Công viên cây xanh TP	295	295	0	0	0	0	0	0	0	0
262	Cty TNHH MTV Công trình Cầu phà TP.HCM	22.797	14.100	0	8.697	0	0	0	0	8.697	0
263	Cty TNHH MTV Cảng sông TP	89.930	89.930	0	0	0	0	0	0	0	0
264	Cty TNHH Môi trường Việt Nhật	1.720	1.720	0	0	0	0	0	0	0	0
265	Cty TNHH Lập Phúc	1.169	1.169	0	0	0	0	0	0	0	0
266	Cty TNHH Giáo dục Ngôi Sao	6.915	6.915	0	0	0	0	0	0	0	0
267	Cty TNHH Dịch vụ Chấn Thanh	12.500	12.500	0	0	0	0	0	0	0	0
268	Cty TNHH Cơ khí Duy Khanh	300	300	0	0	0	0	0	0	0	0
269	Cty TNHH Bệnh viện Phương Đông	1.800	1.800	0	0	0	0	0	0	0	0
270	Cty TNHH Bệnh viện Đa khoa Hồng Đức	6.105	6.105	0	0	0	0	0	0	0	0
271	Cty TNHH Ba Huân	6.790	6.790	0	0	0	0	0	0	0	0
272	Cty ĐT Tài chính nhà nước	151.813	48.248	103.565	0	0	0	0	0		0
273	Cty Điện Lực TP	39.007	39.007	0	0	0	0	0	0	0	0
274	Cty Chế biến thực phẩm XK Hùng Vương	25.386	25.386	0	0	0	0	0	0	0	0

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn 09530268

275	Cty CP XD TMDV Cảng Sài Gòn	1.330	1.330	0	0	0	0	0	0	0	0
276	Cty CP Vi mạch điện tử Việt Vmicro	1.855	1.855	0	0	0	0	0	0	0	0
277	Cty CP SXTM thép không ri Kim Vĩ	1.466	1.466	0	0	0	0	0	0	0	0
278	Cty CP sản xuất KD XNK DV&ĐT Tân Bình	108.953	108.953	0	0	0	0	0	0	0	0
279	Cty CP quản trị tài nguyên Tri Thức	16.077	16.077	0	0	0	0	0	0	0	0
280	Cty CP Nam Sài Gòn	4.174	4.174	0	0	0	0	0	0	0	0
281	Cty CP Lập Nhân	1.585	1.585	0	0	0	0	0	0	0	0
282	Cty CP Khai Sáng	6.409	6.409	0	0	0	0	0	0	0	0
283	Cty CP giáo dục quốc tế	9.351	9.351	0	0	0	0	0	0	0	0
284	Cty CP GD Thiên Hương	9.957	9.957	0	0	0	0	0	0	0	0
285	Cty CP ĐTPT Tâm Sinh Nghĩa	15.948	15.948	0	0	0	0	0	0	0	0
286	Cty CP ĐTKD điện lực TPHCM	2.690	2.690	0	0	0	0	0	0	0	0
287	Cty CP ĐT XD Bình Chánh	700	700	0	0	0	0	0	0	0	0
288	Cty CP Dược phẩm TE Nam Y Dược	1.500	1.500	0	0	0	0	0	0	0	0
289	Cty CP Dược phẩm Phương Đông	1.784	1.784	0	0	0	0	0	0	0	0
290	Cty CP Dược phẩm Phong Phú	3.355	3.355	0	0	0	0	0	0	0	0
291	Cty CP Dệt may Sài Gòn	1.169	1.169	0	0	0	0	0	0	0	0
292	Cty CP Dây cáp điện Việt Nam	2.150	2.150	0	0	0	0	0	0	0	0
293	Cty CP Chợ Rẫy M&C	10.800	10.800	0	0	0	0	0	0	0	0
294	Cty CP công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	441	441	0	0	0	0	0	0	0	0
295	Cty CP cao su Bến Thành	600	600	0	0	0	0	0	0	0	0
296	Cty CP Bệnh viện Quốc tế	169	169	0	0	0	0	0	0	0	0
297	Cty CP Bệnh viện máy tính Quốc tế ICare	1.718	1.718	0	0	0	0	0	0	0	0
298	Cty TNHH MTV Phát triển Công nghiệp Tân Thuận	280.455	280.455	0	0	0	0	0	0	0	0
299	Cơ sở Nhật ngữ JVPF (MURAYAMA)	117	0	0	117	117	0	0	0	0	0

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn 09530268

300	Cơ quan thường trực của Tòa án nhân dân tối cao tại phía Nam	85	0	0	85	0	0	0	0	85	0
301	Cơ quan đơn vị khác	441	441	0	0	0	0	0	0	0	0
302	Công an TP	192.245	23.758	13.841	154.646	0	0	0	0	154.646	0
303	CLB truyền thống Ban Dân Y Miền Nam TP	231	0	0	231	0	0	0	0	231	0
304	Cảng vụ Đường thủy nội địa TP.HCM	8.158	1.049	0	7.108	0	0	0	0	7.108	0
305	Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực 3	312	0	0	312	0	0	0	0	312	0
306	Bộ Tư lệnh Quân khu 7	1.710	0	0	1.710	0	0	0	0	1.710	0
307	Bộ Chỉ huy Quân sự TP	161.477	104.428	0	57.048	0	0	0	0	57.048	0
308	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố	21.624	18.961	0	2.662	0	0	0	0	2.662	0
309	Bệnh viện Y học dân tộc	270	270	0	0	0	0	0	0	0	0
310	Bệnh viện Y học cổ truyền	9.670	9.670	0	0	0	0	0	0	0	0
311	Bệnh viện Ung Bướu	58.004	58.004	0	0	0	0	0	0	0	0
312	Bệnh viện Trương Vương	9.325	9.325	0	0	0	0	0	0	0	0
313	Bệnh viện Thống Nhất	12.456	12.456	0	0	0	0	0	0	0	0
314	Bệnh viện Tâm thần	22	22	0	0	0	0	0	0	0	0
315	Bệnh viện Tai Mũi Họng	6.911	6.911	0	0	0	0	0	0	0	0
316	Bệnh viện Răng Hàm Mặt TW-TP HCM	4.000	4.000	0	0	0	0	0	0	0	0
317	Bệnh viện Quân dân Miền Đông	170	170	0	0	0	0	0	0	0	0
318	Bệnh viện quận Bình Thạnh	1.546	1.546	0	0	0	0	0	0	0	0
319	Bệnh viện quận 4	1.592	1.592	0	0	0	0	0	0	0	0
320	Bệnh viện phụ sản Từ Dũ	25.931	25.931	0	0	0	0	0	0	0	0
321	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	937	937	0	0	0	0	0	0	0	0
322	Bệnh viện Nhi đồng TP	51	51	0	0	0	0	0	0	0	0
323	Bệnh viện Nhi đồng 1	13.819	13.819	0	0	0	0	0	0	0	0
324	Bệnh viện Nhân dân Gia Định	19.120	19.120	0	0	0	0	0	0	0	0

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn 09530268

325	Bệnh viện Nhân dân 115	34.141	34.141	0	0	0	0	0	0	0	0
326	Bệnh viện Nhân Ái	5.140	5.140	0	0	0	0	0	0	0	0
327	Bệnh viện Nguyễn Tri Phương	39	39	0	0	0	0	0	0	0	0
328	Bệnh viện Nguyễn Trãi	13.658	13.658	0	0	0	0	0	0	0	0
329	Bệnh viện Hùng Vương	837	837	0	0	0	0	0	0	0	0
330	Bệnh viện Điều dưỡng - PHCN - Điều trị bệnh nghề nghiệp	241	241	0	0	0	0	0	0	0	0
331	Bệnh viện Đa khoa Sài Gòn	100	100	0	0	0	0	0	0	0	0
332	Bệnh viện Đa khoa khu vực quận Thủ Đức	146	146	0	0	0	0	0	0	0	0
333	Bệnh viện Đa khoa khu vực huyện Hóc Môn	14.655	14.655	0	0	0	0	0	0	0	0
334	Bệnh viện Đa khoa khu vực huyện Củ Chi	1.677	1.677	0	0	0	0	0	0	0	0
335	Bệnh viện Da liễu	398	398	0	0	0	0	0	0	0	0
336	Bệnh viện Chợ Rẫy	4.478	4.478	0	0	0	0	0	0	0	0
337	Bệnh viện Bình Dân	49.758	49.758	0	0	0	0	0	0	0	0
338	Bệnh viện An Bình	500	500	0	0	0	0	0	0	0	0
339	BCĐ xóa đói giảm nghèo và việc làm	3.529	0	0	3.529	0	0	0	3.529	0	0
340	Báo Sài Gòn Giải phóng	75	0	0	75	0	0	0	0	75	0
341	Bảo hiểm xã hội TP	28.233	0	0	28.233	0	0	0	0	28.233	0
342	Ban Thi đua Khen thưởng	36.938	0	0	36.938	0	0	0	36.938	0	0
343	Ban Thanh tra đường thủy nội địa phía Nam	27	0	0	27	0	0	0	0	27	0
344	Ban Thanh tra đường sắt III	6	0	0	6	0	0	0	0	6	0
345	Ban Tôn giáo dân tộc	3.493	0	0	3.493	0	0	0	3.493	0	0
346	Ban QLĐT XD khu đô thị mới Nam thành phố	10.644	4.316	0	6.327	0	0	0	0	6.327	0
347	Ban QLDA XDCT khu công nghệ phần mềm	5.207	5.207	0	0	0	0	0	0	0	0
348	Ban QLDA XD đại lộ Đông Tây - Môi trường nước	69.179	69.179	0	0	0	0	0	0	0	0

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn 09530268

349	Ban QLDA vệ sinh môi trường TP	595.126	172.085	423.041	0	0	0	0	0	0	0
350	Ban QLDA Tân Sơn Nhất - Bình Lợi	281.817	281.817	0	0	0	0	0	0	0	0
351	Ban QLDA Sở Giáo dục & Đào tạo TPHCM	44.344	44.344	0	0	0	0	0	0	0	0
352	Ban QLDA rừng phòng hộ Cần Giờ	52.291	52.291	0	0	0	0	0	0	0	0
353	Ban QLDA Nâng cấp đô thị TP.HCM	1.272.402	1.219.844	52.558	0	0	0	0	0	0	0
354	Ban QLDA ĐTXDCT Sở Xây dựng	16.726	16.726	0	0	0	0	0	0	0	0
355	Ban QLDA ĐTXDCT Sở Tài nguyên và Môi trường	24.988	24.988	0	0	0	0	0	0	0	0
356	Ban QLDA ĐTXDCT Sở NN và PTNT	152.944	152.944	0	0	0	0	0	0	0	0
357	Ban QLDA ĐTXDCT Sở Lao động TBXH	8.323	8.323	0	0	0	0	0	0	0	0
358	Ban QLDA ĐTCT Giao thông đô thị Thành phố	5.024	5.024	0	0	0	0	0	0	0	0
359	Ban QLDA Chung cư Đào Duy Từ	406	406	0	0	0	0	0	0	0	0
360	Ban QLDA cấp nước Cần Giờ	110.685	110.685	0	0	0	0	0	0	0	0
361	Ban QLDA 98	35.000	35.000	0	0	0	0	0	0	0	0
362	Ban QL Trung tâm thủy sản thành phố	101.378	99.906	0	1.472	0	0	0	0	1.472	0
363	Ban QL Khu Nông nghiệp công nghệ cao TP. HCM	5.396	0	0	5.396	0	0	0	0	5.396	0
364	Ban QL Khu công viên Lịch sử - Văn hóa dân tộc	242.756	236.235	0	6.521	0	0	0	0	6.521	0
365	Ban QL Khu CN cao thành phố	30.744	19.658	0	11.086	0	0	0	0	11.086	0
366	Ban QL đường sắt đô thị	1.353.306	1.353.187	0	120	0	0	0	0	120	0
367	Ban QL ĐTXDCT Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	67.922	67.922	0	0	0	0	0	0	0	0
368	Ban QL ĐTXDCT quận Thủ Đức	214.462	214.462	0	0	0	0	0	0	0	0
369	Ban QL ĐTXDCT quận Tân Phú	128.515	128.515	0	0	0	0	0	0	0	0
370	Ban QL ĐTXDCT quận Tân Bình	72.863	72.863	0	0	0	0	0	0	0	0
371	Ban QL ĐTXDCT quận Phú Nhuận	52.600	52.600	0	0	0	0	0	0	0	0

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn 09530268

372	Ban QL ĐTXDCT quận Gò Vấp	36.174	36.174	0	0	0	0	0	0	0	0
373	Ban QL ĐTXDCT quận Bình Thạnh	155.450	155.450	0	0	0	0	0	0	0	0
374	Ban QL ĐTXDCT quận Bình Tân	343.657	343.657	0	0	0	0	0	0	0	0
375	Ban QL ĐTXDCT quận 9	294.702	294.702	0	0	0	0	0	0	0	0
376	Ban QL ĐTXDCT quận 8	122.133	122.133	0	0	0	0	0	0	0	0
377	Ban QL ĐTXDCT quận 7	59.017	59.017	0	0	0	0	0	0	0	0
378	Ban QL ĐTXDCT quận 6	346.448	346.448	0	0	0	0	0	0	0	0
379	Ban QL ĐTXDCT quận 5	17.101	17.101	0	0	0	0	0	0	0	0
380	Ban QL ĐTXDCT quận 4	102.892	102.892	0	0	0	0	0	0	0	0
381	Ban QL ĐTXDCT quận 3	17.631	17.631	0	0	0	0	0	0	0	0
382	Ban QL ĐTXDCT quận 2	238.864	238.864	0	0	0	0	0	0	0	0
383	Ban QL ĐTXDCT quận 12	157.610	157.610	0	0	0	0	0	0	0	0
384	Ban QL ĐTXDCT quận 11	61.042	61.042	0	0	0	0	0	0	0	0
385	Ban QL ĐTXDCT quận 10	25.257	25.257	0	0	0	0	0	0	0	0
386	Ban QL ĐTXDCT quận 1	1.234	1.234	0	0	0	0	0	0	0	0
387	Ban QL ĐTXDCT huyện Nhà Bè	179.144	179.144	0	0	0	0	0	0	0	0
388	Ban QL ĐTXDCT huyện Hóc Môn	286.540	286.540	0	0	0	0	0	0	0	0
389	Ban QL ĐTXDCT huyện Củ Chi	289.800	289.800	0	0	0	0	0	0	0	0
390	Ban QL ĐTXDCT huyện Cần Giờ	366.119	366.119	0	0	0	0	0	0	0	0
391	Ban QL ĐTXDCT huyện Bình Chánh	126.058	126.058	0	0	0	0	0	0	0	0
392	Ban QL ĐTXD Khu tái định cư P. Tân Thới Nhất	9.762	9.762	0	0	0	0	0	0	0	0
393	Ban QL ĐTXD Khu đô thị Tây Bắc	4.860	2.179	0	2.681	0	0	0	0	2.681	0
394	Ban QL ĐTXD Khu đô thị mới Thủ Thiêm	605.538	603.873	0	1.665	0	0	0	0	1.665	0
395	Ban QL ĐTDA Nạo vét Luồng Soài Rạp	4.634	4.134	0	500	0	0	0	0	500	0
396	Ban QL DA Mỹ Thuận	3.692	3.692	0	0	0	0	0	0	0	0

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn 09530268

397	Ban QL các khu liên hợp xử lý chất thải TP	44.989	36.622	0	8.368	0	0	0	0	8.368	0
398	Ban QL các DA đầu tư - xây dựng Khu CNC	676.910	676.910	0	0	0	0	0	0	0	0
399	Ban QL các bến xe vận tải hành khách	5.597	0	0	5.597	0	0	0	0	5.597	0
400	Ban Liên lạc cựu nữ tù chính trị và tù binh TPHCM	224	0	0	224	0	0	0	0	224	0
401	Ban đổi mới QL doanh nghiệp	1.648	0	0	1.648	0	0	0	1.648	0	0
402	Ban Chỉ đạo Nông nghiệp nông thôn	918	0	0	918	0	0	0	918	0	0
403	Ban Bồi thường GPMB quận Thủ Đức	97.358	97.358	0	0	0	0	0	0	0	0
404	Ban Bồi thường GPMB quận Bình Thạnh	77.853	77.853	0	0	0	0	0	0	0	0
405	Ban Bồi thường GPMB quận Bình Tân	950	950	0	0	0	0	0	0	0	0
406	Ban Bồi thường GPMB quận 8	17.919	17.919	0	0	0	0	0	0	0	0
407	Ban Bồi thường GPMB quận 4	20.998	20.998	0	0	0	0	0	0	0	0
408	Ban Bồi thường GPMB quận 3	3	3	0	0	0	0	0	0	0	0
409	Ban Bồi thường GPMB quận 12	12.788	12.788	0	0	0	0	0	0	0	0
410	Ban Bồi thường GPMB Phú Nhuận	1.927	1.927	0	0	0	0	0	0	0	0
411	Ban An toàn giao thông TP. HCM	18.122	0	0	18.122	0	0	0	0	18.122	0
412	Các quan hệ tài chính khác	20.568.563	10.379.931	0	0	0	0	0	0	0	10.188.633
	- Quỹ dự trữ tài chính	65.000	0	0	0	0	0		0		65.000
	- Chi chuyển nguồn NS năm 2011 sang năm 2012	9.218.741	4.996.284	0	0	0	0				4.222.457
	- Chi bổ sung ngân sách cấp dưới	5.901.176	0	0	0	0	0				5.901.176
	- Chi trả nợ gốc và lãi vay ĐT	5.383.647	5.383.647	0	0	0	0				0
TỔNG SỐ		**50.890.289**	**24.558.553**	**650.843**	**15.492.260**	**1.796.354**	**6.195.251**	**132.643**	**1.243.435**	**6.124.578**	**10.188.633**

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn 09530268

Thành phố Hồ Chí Minh **Phụ lục số 04**

QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2011

(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình HĐND cùng cấp và báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2011	Quyết toán năm 2011	*So sánh QT/DT (%)*
A	B	1	2	*3=2/1*
A	**Ngân sách cấp tỉnh**			
I/	**Nguồn thu ngân sách cấp tỉnh**	**30.983.711**	**56.892.051**	***183,62%***
1.	Thu ngân sách cấp tỉnh hưởng theo phân cấp	25.344.421	31.954.072	*126,08%*
	- Các khoản thu NS cấp tỉnh hưởng 100%	*8.471.589*	*15.532.996*	*183,35%*
	- Các khoản thu NS cấp tỉnh hưởng theo tỉ lệ phần trăm (%)	*16.872.832*	*16.421.076*	*97,32%*
2.	Bổ sung từ ngân sách trung ương	1.009.290	2.060.948	*204,20%*
	- Bổ sung cân đối		0	
	- Bổ sung có mục tiêu	1.009.290	2.060.948	*204,20%*
3.	Thu từ NS cấp dưới nộp lên		5.084	
4.	Huy động đầu tư theo khoản 3 Điều 8 Luật NSNN			
5.	Thu chuyển nguồn từ ngân sách năm trước		9.677.049	
6.	Vay trái phiếu đô thị và kho bạc			
7.	Thu kết dư		6.433.232	
8.	Thu viện trợ không hoàn lại		722.757	
9.	Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua ngân sách NN	4.630.000	6.038.909	*130,43%*
II/	**Chi ngân sách cấp tỉnh**	**30.983.711**	**50.890.289**	***164,25%***
1.	Chi thuộc nhiệm vụ của NS cấp tỉnh theo phân cấp (không kể bổ sung cho NSĐP cấp dưới trực tiếp)	27.211.054	44.989.113	*165,33%*
2.	Bổ sung cho NS huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	3.772.657	5.901.176	*156,42%*
	- Bổ sung cân đối	3.772.657	3.779.346	*100,18%*
	- Bổ sung có mục tiêu		2.121.830	
B	**Ngân sách huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh**			
I/	**Nguồn thu ngân sách huyện, quận thuộc thành phố**	**8.771.431**	**14.861.498**	

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn 09530268

STT	Nội dung	Dự toán năm 2011	Quyết toán năm 2011	*So sánh QT/DT (%)*
A	B	**1**	**2**	***3=2/1***
1.	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	4.180.047	4.724.076	*113,01%*
	- Các khoản thu ngân sách huyện hưởng 100%	*1.446.611*	*2.208.761*	*152,69%*
	- Các khoản thu phân chia NS huyện hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	*2.733.436*	*2.515.315*	*92,02%*
2.	Thu bổ sung từ ngân sách cấp thành phố	3.772.657	5.901.176	*156,42%*
	- Bổ sung cân đối	3.772.657	3.779.346	*100,18%*
	- Bổ sung có mục tiêu		2.121.830	
3.	Thu chuyển nguồn từ ngân sách năm trước		888.899	
4.	Thu viện trợ không hoàn lại		10.660	
5.	Thu kết dư		2.340.300	
6.	Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN	633.612	996.387	
II/	**Chi ngân sách huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (Không kể chi chuyển giao giữa NSQH và NSPX)**	**8.771.431**	**12.434.045**	***141,76%***

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn 09530268

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn 09530268

Phụ lục 05

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH TỪNG QUẬN - HUYỆN

Đơn vị: triệu đồng

Quận huyện	Dự Toán				Quyết toán				So sánh			
	Thu NSNN năm 2011	Thu NSQH năm 2011	Trong đó		Thu NSNN năm 2011	Thu NSQH năm 2011	Trong đó		Thu NSNN năm 2011	Thu NSQH năm 2011	Tron gđó	
			Thu điều tiết NSQH	Thu bổ sung từ NSTP			Thu điều tiết NSQH	Thu bổ sung từ NSTP			Thu điều tiết NSQH	Thu bổ sung từ NSTP
A	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9=5/1*	*10=6/2*	*11=7/3*	*12=8/4*
Tổng số	**24.101.612**	**8.771.431**	**4.180.047**	**3.772.657**	**26.114.968**	**14.861.498**	**4.724.076**	**5.901.176**	**108,35**	**169,43**	**113,01**	**156,42**
Quận 1	2.978.818	399.090	334.280	8.348	4.052.458	827.794	506.408	45.140	136,04	207,42	151,49	540,73
Quận 2	816.313	250.111	147.409	77.822	860.325	412.836	132.760	126.114	105,39	165,06	90,06	162,05
Quận 3	1.664.971	324.560	291.037	2.983	1.747.806	576.349	305.385	26.386	104,98	177,58	104,93	884,56
Quận 4	470.697	265.980	85.238	154.045	441.016	387.764	86.334	188.458	93,69	145,79	101,29	122,34
Quận 5	1.147.626	348.571	216.509	113.436	1.192.395	590.419	216.273	170.016	103,90	169,38	99,89	149,88
Quận 6	634.733	374.298	120.743	209.822	656.920	543.752	161.735	260.227	103,50	145,27	133,95	124,02
Quận 7	1.878.356	259.302	233.736	2.816	1.589.934	759.220	217.936	28.439	84,64	292,79	93,24	1.009,90
Quận 8	696.410	402.642	113.085	248.147	625.910	625.009	133.356	344.236	89,88	155,23	117,93	138,72
Quận 9	557.051	325.275	86.892	223.332	560.385	497.442	91.068	326.633	100,60	152,93	104,81	146,25
Quận 10	1.406.158	322.862	276.198	3.402	1.463.772	527.525	298.409	71.935	104,10	163,39	108,04	2.114,50
Quận 11	581.015	307.435	114.994	177.426	607.851	442.957	125.746	247.374	104,62	144,08	109,35	139,42
Quận 12	844.571	359.380	160.857	171.550	762.133	578.133	183.405	243.125	90,24	160,87	114,02	141,72
Quận Phú Nhuận	1.067.766	249.640	215.275	5.737	1.177.149	384.858	245.179	27.437	110,24	154,17	113,89	478,25
Quận Gò Vấp	989.029	491.932	203.765	261.138	1.116.985	774.524	251.576	332.931	112,94	157,45	123,46	127,49

Quận huyện	Dự Toán				Quyết toán				So sánh			
	Thu NSNN năm 2011	Thu NSQH năm 2011	Trong đó		Thu NSNN năm 2011	Thu NSQH năm 2011	Trong đó		Thu NSNN năm 2011	Thu NSQH năm 2011	Tron gđó	
			Thu điều tiết NSQH	Thu bổ sung từ NSTP			Thu điều tiết NSQH	Thu bổ sung từ NSTP			Thu điều tiết NSQH	Thu bổ sung từ NSTP
A	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9=5/1*	*10=6/2*	*11=7/3*	*12=8/4*
Quận Bình Thạnh	1.535.864	495.804	300.080	132.872	1.645.600	739.022	334.672	183.771	107,14	149,06	111,53	138,31
Quận Tân Bình	1.782.172	508.612	396.160	67.689	1.898.443	797.442	444.014	96.800	106,52	156,79	112,08	143,01
Quận Tân Phú	1.117.322	430.393	230.734	140.929	1.673.618	808.057	232.098	177.310	149,79	187,75	100,59	125,82
Quận Bình Tân	1.129.561	367.644	202.658	130.798	1.257.314	639.518	226.297	293.849	111,31	173,95	111,66	224,66
Quận Thủ Đức	950.493	496.583	140.194	234.469	851.689	608.089	153.509	304.096	89,61	122,45	109,50	129,70
Huyện Củ Chi	350.386	495.557	58.206	413.965	392.464	820.826	85.627	642.294	112,01	165,64	147,11	155,16
Huyện Hốc Môn	322.736	382.666	65.196	308.734	469.603	836.464	95.331	561.248	145,51	218,59	146,22	181,79
Huyện Bình Chánh	643.446	427.323	117.203	289.674	737.700	750.615	130.869	509.302	114,65	175,66	111,66	175,82
Huyện Nhà Bè	480.504	182.771	62.919	106.616	269.862	390.690	52.486	259.974	56,16	213,76	83,42	243,84
Huyện Cần Giờ	55.614	303.000	6.679	286.907	63.634	542.194	13.604	434.078	114,42	178,94	203,68	151,30

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn 09530268

Phụ lục 06

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH THEO MỘT SỐ LĨNH VỰC CỦA QUẬN HUYỆN NĂM 2011

(ĐV: Triệu đồng)

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2011	Quyết toán năm 2011	Bao gồm						So sánh QT/DT (%)
				I- Chi đầu tư phát triển			II- Chi thường xuyên			
				Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
					GDĐT dạy nghề	Khoa học công nghệ		GDĐT dạy nghề	Khoa học công nghệ	
A	B	1	2	3	7	8	9	10	11	12=2/1
	Tổng số	**8.771.431**	**12.434.045**	**2.281.419**	**395.659**	**0**	**10.152.626**	**3.676.048**	**0**	**141,76**
1	Quận 1	399.090	623.160	71.210	29.776		551.950	155.459		156,15
2	Quận 2	250.111	385.924	57.969	13.823		327.954	81.974		154,30
3	Quận 3	324.560	458.653	78.187	45.579		380.466	154.123		141,32
4	Quận 4	265.980	307.380	21.965	9.684		285.415	88.185		115,57
5	Quận 5	348.571	451.584	34.484	13.252		417.100	160.092		129,55
6	Quận 6	374.298	420.989	52.773	9.619		368.216	151.880		112,47
7	Quận 7	259.302	513.758	93.130	35.910		420.629	107.307		198,13
8	Quận 8	402.642	523.425	59.861	-		463.564	161.127		130,00
9	Quận 9	325.275	436.840	99.910	31.137		336.929	136.025		134,30
10	Quận 10	322.862	461.503	58.890	11.834		402.613	131.486		142,94
11	Quận 11	307.435	408.810	57.487	26.066		351.324	135.164		132,97
12	Quận 12	359.380	485.278	93.303	24.962		391.975	162.358		135,03

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn 09530268

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2011	Quyết toán năm 2011	Bao gồm						So sánh QT/DT (%)
				I- Chi đầu tư phát triển			II- Chi thường xuyên			
				Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
					GDĐT dạy nghề	Khoa học công nghệ		GDĐT dạy nghề	Khoa học công nghệ	
A	B	1	2	3	7	8	9	10	11	12=2/1
13	Quận Phú Nhuận	249.640	333.630	28.727	6.261		304.904	90.033		133,64
14	Quận Gò Vấp	491.932	685.479	117.688	24.453		567.791	228.245		139,34
15	Quận Bình Thạnh	495.804	669.715	44.401	6.358		625.314	208.894		135,08
16	Quận Tân Bình	508.612	609.789	44.755	3.225		565.034	215.512		119,89
17	Quận Tân Phú	430.393	564.884	109.869	6.135		455.015	183.277		131,25
18	Quận Bình Tân	367.644	559.689	155.654	32.543		404.036	152.682		152,24
19	Quận Thủ Đức	496.583	573.621	74.200	7.874		499.421	190.120		115,51
20	Huyện Củ Chi	495.557	777.682	208.737	5.859		568.945	230.750		156,93
21	Huyện Hốc Môn	382.666	672.077	254.161	10.390		417.916	199.703		175,63
22	Huyện Bình Chánh	427.323	696.444	199.388	16.622		497.056	183.694		162,98
23	Huyện Nhà Bè	182.771	370.909	148.211	24.298		222.698	80.704		202,94
24	Huyện Cần Giờ	303.000	442.818	116.459			326.359	87.255		146,14

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn 09530268